



ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA THÀNH NGỮ TIẾNG PA CÔ Ở HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Hoàng Tất Thắng

Trường Đại học khoa học Huế

Tóm tắt: Bài báo khảo sát đặc điểm cấu tạo của hệ thống thành ngữ tiếng Pa Cô trên ba phương diện: Về số lượng âm tiết, các thành ngữ có số lượng âm tiết chẵn chiếm tỉ lệ cao hơn so với các thành ngữ có số lượng âm tiết lẻ. Về quan hệ cú pháp, trong ba kiểu quan hệ cú pháp tồn tại giữa các thành tố trong cấu trúc của thành ngữ tiếng Pa Cô, kiểu quan hệ đẳng lập chiếm tỉ lệ cao nhất. Kiểu quan hệ này tồn tại chủ yếu ở các thành ngữ có số lượng âm tiết chẵn. Đứng sau các thành ngữ có quan hệ đẳng lập là các thành ngữ có quan hệ chính phụ và cuối cùng là các thành ngữ có quan hệ chủ vị. Về cấu trúc lặp vần, các thành ngữ có hiện tượng lặp vần phần lớn là các đơn vị thành ngữ cân đối, có số lượng âm tiết chẵn, tạo thành hai vế và tồn tại mỗi quan hệ đẳng lập.

Tất cả các đặc điểm cấu tạo của thành ngữ nói trên đã chứng minh một cách sinh động rằng tiếng Pa Cô là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, cận âm tiết tính.

Từ khóa: đặc điểm, cấu tạo, thành ngữ, âm tiết, loại hình đơn lập.

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ (idioms) là một bộ phận thuộc hệ thống từ vựng của ngôn ngữ. Về khái niệm thành ngữ, trong ngôn ngữ học đại cương nói chung, trong tiếng Việt nói riêng đã có quá nhiều tác giả quan tâm. Chỉ riêng giới Việt ngữ học có thể kể đến các tác giả như Dương Quảng Hàm (1943), Cù Đình Tú (1969), Nguyễn Văn Mệnh (1972), Nguyễn Thiện Giáp (1973), Chu Xuân Diên, Lương Văn Đàng, Phương Tri (1975), Bùi Khắc Việt (1978), Nguyễn Lân (1989), Nguyễn Như Ý (1993), Nguyễn Thái Hòa (1997), Vũ Ngọc Phan (1998), Hoàng Văn Hành (2004), Nguyễn Lực (2005),...

Mặc dù mỗi tác giả quan niệm về thành ngữ theo một cách nhìn riêng nhưng về cơ bản là thống nhất với nhau. Trong công trình *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nguyễn Thiện Giáp quan niệm: “Thành ngữ là một cụm từ mà ý nghĩa của nó không được tạo thành từ các ý nghĩa của các từ cấu tạo nên nó (...). Thành ngữ có tính hoàn chỉnh về nghĩa nhưng lại có tính chất tách biệt của các thành tố trong kết cấu, do đó nó hoạt động trong câu

với tư cách tương đương với một từ cá biệt” [3, tr.391]. Cũng gần với quan niệm trên, các tác giả công trình *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, cũng giải thích rằng, thành ngữ là những “cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó, tức là không có nghĩa đen và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu” [5, tr. 271]. Tác giả Hoàng Văn Hành trong *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ* cũng quan niệm: “Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thông thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...” [4, tr.144]

Qua các quan niệm vừa nêu trên, có thể khái quát lại một quan niệm về thành ngữ như sau: *Thành ngữ là những cụm từ cố định, có chức năng định danh như từ, được sử dụng độc lập trong lời nói và đảm nhận chức năng các thành phần câu.*

Cho đến nay, việc nghiên cứu thành ngữ tiếng Pa Cô vẫn đang là mảnh đất màu mỡ chưa được khai phá. Rải rác một số công trình sưu tầm nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc thiểu số, trong đó có văn học dân gian Pa Cô – Tà Ôi, có nhắc đến các thành ngữ, tục ngữ. Đặc biệt, một số công trình nghiên cứu ngôn ngữ Pa Cô – Tà Ôi như “Cấu tạo từ tiếng Tà Ôi (trong sự so sánh với tiếng Việt)” (2013) của Kê Suu, “Từ điển Việt - Pa Cô - Tà Ôi, Pa Cô - Tà Ôi - Việt” (2016) do Tạ Văn Thông chủ biên, “Tục ngữ Pa Cô - Tà Ôi” (2017) của Kê Suu,... cũng có đề cập đến các thành ngữ tiếng Pa Cô.

Trên thực tế, việc nghiên cứu, giới thiệu hệ thống thành ngữ các dân tộc ít người nói chung, dân tộc Pa Cô nói riêng, càng ngày càng khó khăn bởi nhiều lí do khác nhau. Cũng như ngôn ngữ nói chung, lịch sử càng lùi xa bao nhiêu thì việc nghiên cứu, tìm hiểu nguồn gốc ra đời cũng như ý nghĩa ban đầu của các thành ngữ càng khó khăn bấy nhiêu. Mặt khác, sự am hiểu và sử dụng thành ngữ ở lớp trẻ người Pa Cô hiện nay ngày càng suy giảm, hạn chế; vì vậy, hệ thống thành ngữ ngày càng mai một dần; sự phức tạp về mặt ý nghĩa của từ cổ vốn xuất hiện khá phổ biến trong thể loại folklore này cũng như biến thể và cả phạm vi sử dụng hay ý nghĩa của nó giữa các vùng ở các khu vực khác nhau đã gây trở ngại không ít cho người sưu tầm, nghiên cứu.

Dân tộc Pa Cô sinh sống tập trung chủ yếu ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế cùng với các cộng đồng Tà Ôi, Pa Hy, Ka Tu và Kinh. Tên gọi *Pa Cô* được giải thích với ý nghĩa là “về phía núi” hoặc “người miền núi” (*Pa* là phía, ở về phía, *Cô* là núi cao). Đồng bào dân tộc Pa Cô chiếm tỉ lệ khoảng 42% trong tổng số dân toàn huyện A Lưới. Các dân tộc thiểu số ở A Lưới sinh sống rải rác thành nhiều điểm tụ cư nhỏ, các điểm tụ cư chủ yếu theo dòng họ, mối quan hệ có tính chất huyết thống. Nhiều dòng họ tập trung lại với nhau tạo thành một làng, một bản, cư trú lên đến vài chục nóc nhà. Trong làng được tổ chức khá chặt chẽ theo truyền thống dòng họ, những người già, người đứng đầu các dòng họ, người am hiểu phong tục tập quán của làng, thường được bầu làm già làng. Nhiều già làng tập hợp lại thành Hội đồng già làng, đóng vai trò quan trọng trong việc bàn kế

hoạch sản xuất, giải quyết các mâu thuẫn nội bộ, tổ chức các nghi lễ cúng bái có quy mô cả làng và có những quyết định quan trọng trong chinh phục thiên nhiên, thú dữ, cũng như các vấn đề về chiến tranh, nơi cư trú...

Khi nghiên cứu cấu tạo của thành ngữ tiếng Pa Cô không thể không nói đến đặc điểm của ngôn ngữ Pa Cô. Theo cách phân loại cội nguồn phổ biến hiện nay, tiếng Pa Cô thuộc ngữ chi Katu (Cơ Tu) trong nhánh Môn - khmer của ngữ hệ Nam Á. Về mặt loại hình, tiếng Pa Cô nói riêng, các ngôn ngữ Đông Nam Á nói chung, đều thuộc *loại hình ngôn ngữ đơn lập* với những đặc điểm chung: *ngôn ngữ phân tích tính, từ không biến đổi dạng thức, âm tiết có cấu trúc rõ ràng, việc biểu thị các ý nghĩa ngữ pháp bằng con đường ngoài từ,...*

Tuy nhiên, cùng loại hình ngôn ngữ đơn lập nhưng so với tiếng Việt thì tiếng Pa Cô thuộc loại hình *đơn lập chưa triệt để*, còn gọi là *ngôn ngữ cận âm tiết tính* như các ngôn ngữ Bru, Tà ôi, Ba na, Ca dong, Xơ đăng, Hre,,.

Đặc điểm ngôn ngữ *cận âm tiết tính* của tiếng Pa Cô và các ngôn ngữ cùng nhóm thể hiện ở chỗ: *có phụ tố cấu tạo từ và không có hệ thống thanh điệu*. Các phụ tố cấu tạo từ (tiền tố) như *pa-* (biểu thị hành động hướng tới kết quả do căn tố biểu thị), *pi-* (biểu thị hành động khiến cho chủ thể có được kết quả do căn tố biểu thị), *ta-* (biểu thị hành động không chú ý do căn tố biểu thị), *tar-* (biểu thị hành động có đặc tính tương tác giữa các chủ thể),...

Các ngôn ngữ này còn sử dụng phương thức phụ tố (tiền tố và trung tố ở các từ đa tiết). Hệ thống phụ tố (cụ thể là hệ thống tiền tố và trung tố) rất phong phú về số lượng, đặc biệt còn giữ lại các tiền tố kép (hợp tố). Ví dụ: *Párnêh* (chôi), *Kacheet* (giết), *Pahoom* (tắm cho),... Khi tách hết các phụ tố ra, căn tố sẽ hoạt động như vai trò của những từ đơn; hay đúng hơn, căn tố tiếng Pa Cô vốn dĩ là các từ đơn. Ví dụ: *sieng* (gió), *bo* (mưa), *daq* (nước), *hong* (lỗ),...

Một đặc điểm của ngôn ngữ cận âm tiết tính nữa là *từ ngữ âm* có thể đơn tiết hoặc đa tiết; ranh giới giữa các đơn vị: từ, hình vị và âm tiết có thể không trùng nhau.

Trong khuôn khổ một bài báo, chúng tôi sẽ đi sâu khảo sát, thống kê, phân loại, phân

tích và miêu tả những đặc điểm chính về mặt cấu tạo hình thức của hệ thống thành ngữ tiếng Pa Cô nhằm chứng minh rằng, mặc dù tiếng Pa Cô là một trong những ngôn ngữ có đặc điểm *cận âm tiết tính*, nhưng vẫn là một ngôn ngữ thuộc *loại hình đơn lập*. Đặc điểm đó thể hiện khá rõ trong cấu tạo của hệ thống thành ngữ tiếng Pa Cô.

Với mục đích nghiên cứu như trên, lẽ đương nhiên, phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi vận dụng là *phương pháp miêu tả ngôn ngữ học* với các thủ pháp chính là *thống kê, phân loại, phân tích* và *miêu tả* cấu tạo của hệ thống thành ngữ tiếng Pa Cô.

2. Đặc điểm cấu tạo của thành ngữ trong tiếng Pa Cô

Với số lượng 180 đơn vị thành ngữ trong tiếng Pa Cô tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã được thu thập, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát đặc điểm cấu tạo trên ba phương diện:

Loại AT	3 âm tiết	4 âm tiết	5 âm tiết	6 âm tiết	7 âm tiết	Tổng số
Số lượng	2	93	47	36	2	180
Tỉ lệ	1%	51%	26%	21%	1%	100%

Bảng 1. Thống kê, phân loại số lượng âm tiết trong thành ngữ tiếng Pa Cô

Kết quả thống kê, phân loại cho thấy, tiếng Pa Cô là một ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính, do đó, số lượng âm tiết tham gia cấu tạo một đơn vị thành ngữ rất hạn chế (tối thiểu là 3 âm tiết, tối đa là 7 âm tiết). Đặc điểm này tương tự như các ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính, điển hình là tiếng Việt. Ví dụ:

Thành ngữ 3 âm tiết:

manh/ rool/ pântui

(Mượn cườm ngọc mờ côi)

khêt/ kacheet/ o

(Cái nết đánh chết cái đẹp)

Thành ngữ 4 âm tiết:

nârap/ acho/ kânchop/ aséh

(hàm chó, vó ngựa)

nghiêl/ târlang/ kârhang/ măt

(nhẹ vai, gai mắt)

achiêng/ Lao/ kabao/ Yoan

(voi Lào, bào Kinh)

achiêng/ târnéh/ aséh/ kârvét

(ngựa roi, voi búa)

krao/ boai/ lai/ ânbeen

(mùng cá, xả lười)

ngot/ măt/ tikăt/ pállung

(đôi mắt thắt bụng)

Thành ngữ 5 âm tiết:

Inh/ cha/ imoot/ tu/ abóh

Đặc điểm về số lượng âm tiết (đặc trưng phân tích tính của ngôn ngữ đơn lập).

Đặc điểm về quan hệ cú pháp (đặc trưng phương thức trật tự từ - phương thức ngữ pháp của ngôn ngữ đơn lập).

Đặc điểm về vần điệu (đặc trưng về cấu tạo âm tiết của ngôn ngữ đơn lập)

2.1. Đặc điểm về số lượng âm tiết

Như đã nói ở trên, tiếng Pa Cô là ngôn ngữ thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập nên âm tiết có vai trò đặc biệt quan trọng trong tạo lập lời nói giao tiếp, trước hết đối với việc cấu tạo nên các đơn vị ngôn ngữ lớn hơn như từ, cụm từ và mệnh đề (câu). Mặc dù âm tiết trong ngôn ngữ này có đặc điểm là *cận âm tiết tính* nhưng ranh giới giữa các âm tiết cũng được xác định như các ngôn ngữ *âm tiết tính* (tiếng Việt chẳng hạn). Khảo sát số lượng âm tiết của 180 đơn vị thành ngữ tiếng Pa Cô, kết quả cho thấy như sau:

(Muốn ăn vào bếp)

Prúh/ pahoor/ ploor/ daq/ măt

(Đồ mồ hôi, sôi nước mắt)

Pangóh/ soi/ joon/ angai/ kapóatq

(Thò đuôi cho người ta nắm)

Pasăi/ adovaiq/ sâr/ tôm/ along

(Dạy khi trèo cây)

Ê/ târnóoq/ idău/ itoóng/ chăq

(Lắm mối tôi buộc thân)

Thành ngữ 6 âm tiết:

Cha/ tôm/ mmo/ krong/ tôm/ ngkóh

(Ăn cây nào, rào cây đấy)

Rbang/ pasool/ nnau/ do/ ngkóh/ ôi

(Trời kêu ai nấy thưa)

Do/ ân/ kachăng/ do/ ân/ nhiêm

(Kẻ cười, người khóc)

Do/ ân/ ârvung/ do/ ân/ kachung

(Kẻ tung, người hứng)

Pê/ nôh/ nnéq/ treq/ nôh/ ntih

(Thua keo này, bày keo kia)

Thành ngữ 7 âm tiết:

Kăn/ mooi/ akăi/ arâq/ kulăi/ areap/

ngngam

(Gái một con như quả khế ngọt)

Hóng/ kang/ kinhanh/ kinhung/ jung/ ati

/tatăq

(Tay làm, hàm nhai)

Kết quả khảo sát còn cho thấy, khác với tiếng Việt, loại thành ngữ có 3 âm tiết trong tiếng Pa Cô có số lượng rất hạn chế, trong khi ở tiếng Việt khá phong phú, kiểu như các thành ngữ so sánh *đẹp như tiên, vàng như nghệ, trắng như ngà, đỏ như gấc*,...

Một đặc điểm giống tiếng Việt là số lượng thành ngữ 4 âm tiết chiếm tỉ lệ cao nhất (51%), trong đó chủ yếu là các thành ngữ đối. Ví dụ:

Târ-áp acho, kân chop aséh

(Hàm chó, vó ngựa)

Achiêng Lao, kabao Yoan

(Voi Lào, bèo Kinh)

Akuôt/ idău/ klo /ingăi

(Ếch đêm, ốc ngày)

Krao/ boaiq/ lai /ânbeen

(Mùng cá, xả lưới)

Ngot /măt/ tikăt/ pällung

(Đói mắt, thắt bụng)

Pi/ ilăq/ cha/ put

(Nói nhẹ, ăn nhiều)

Đặc điểm của thành ngữ đối là tạo thành hai vế, cân đối về số lượng âm tiết, về từ loại, về ý nghĩa. Trong tiếng Việt, thành ngữ đối 4 âm tiết còn đối nhau cả luật bằng trắc. Ví dụ: *cá nước chim trời, ruộng cá ao sâu, một nắng hai sương, lên thác xuống ghềnh, nhà ngói cây mít*,...

Đứng sau loại thành ngữ có 4 âm tiết là các thành ngữ có 5 âm tiết (26%) và 6 âm tiết (21%). Đây cũng là một đặc điểm chung đối với các ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập. Như đã đề cập ở 1.1, xét về mặt ngữ nghĩa, thành ngữ tương đương với từ, có chức năng định danh, biểu thị khái niệm. Nói cách khác, về nội dung, thành ngữ giới thiệu một hình ảnh, một hiện tượng, một trạng thái, một tính cách, một thái độ,... Vậy nên, nội dung ngữ nghĩa của thành ngữ chủ yếu diễn đạt bằng một từ hoặc cụm từ. Trong các ngôn ngữ đơn lập nói chung, tiếng Pa Cô nói riêng, các cụm từ cố định thường có từ 3 đến 5 âm tiết, tối đa là 6 âm tiết. Ví dụ:

Boaiq đaq, acheéq ârbang (cá nước, chim trời), biểu thị một hiện tượng “Cá thì ở và bơi dưới nước mênh mông, làm sao bắt được hết; chim thì sống và bay trên trời bất tận, làm sao mà đánh, đuổi kịp được”. Nghĩa khái quát của thành ngữ là “cuộc đời mênh mông, lắm cảnh, lắm việc, sẽ khó mà tìm bạn”.

Auq ateng, asieap kúp (đuôi đốt, doi hang) biểu thị một hiện tượng “Con đuôi làm tổ dưới gốc cây đốt, con doi làm tổ trong hang”. Nghĩa khái quát của thành ngữ là “coi trọng điều kiện, môi trường của từng người để phát triển”.

Târ-áp acho, kân chop aséh (hàm chó, vó ngựa) biểu thị một hiện tượng “Con chó thì hàm răng là dữ tợn nhất dễ gây hại; con ngựa thì cái vó là đáng sợ nhất, đá dễ khiến đôi phương bị thương”. Nghĩa khái quát của thành ngữ là “Khi tiếp xúc với những con vật, cần chú ý những bộ phận có khả năng gây nguy hiểm đối với con người”.

Tiriaq joat ali kârrôq loat pran (Trâu què cũng bằng bò khỏe) biểu thị một đặc điểm “Trâu khác loài với bò và bao giờ trọng lượng của trâu (khi xét ở độ tuổi, lứa như nhau) cũng nặng hơn bò. Khi trâu bị què quặt, tật nguyên mới có thể sánh đo ngang bằng con bò khỏe”. Nghĩa bóng của thành ngữ là “cái thuộc cấp hạng trên đâu có kém cỏi vẫn sánh ngang với cái cao nhất thuộc cấp hạng dưới kẻ đó”.

2.2. Đặc điểm về các mối quan hệ cú pháp trong thành ngữ

Quan hệ cú pháp (quan hệ ngữ pháp) là mối quan hệ giữa các đơn vị ngữ pháp (đơn vị ngữ pháp là *hình vị, từ, cụm từ* và *mệnh đề*). Như đã nói, mỗi đơn vị thành ngữ là một tổ hợp từ (cụm từ), vì vậy giữa các thành tố (từ) trong mỗi thành ngữ luôn luôn tồn tại các mối quan hệ cú pháp. Có ba kiểu quan hệ cú pháp: *quan hệ đẳng lập, quan hệ chính phụ* và *quan hệ chủ vị*. Kết quả khảo sát, thống kê và phân loại các kiểu quan hệ cú pháp trong tổng số 180 đơn vị thành ngữ như sau:

kiểu quan hệ	Đẳng lập	Chính phụ	Chủ - vị	Tổng số
Số lượng	128	30	22	180
Tỉ lệ	72%	16%	12%	100%

Bảng 2. Thống kê, phân loại các mối quan hệ cú pháp trong hệ thống thành ngữ tiếng Pa Cô

2.2.1. Quan hệ đẳng lập

Đặc điểm của quan hệ đẳng lập là nội dung ý nghĩa giữa các vế (thường là 2 vế) bình đẳng, độc lập với nhau. Tác dụng của mối quan hệ này nhằm miêu tả một cách đầy đủ, toàn diện các đặc điểm, các phương diện, các tính chất,... của một đối tượng nào đó.

Trong ba kiểu quan hệ cú pháp tồn tại giữa các thành tố trong cấu trúc của thành ngữ tiếng Pa Cô, kiểu quan hệ đẳng lập chiếm tỉ lệ cao nhất (72%). Đặc điểm của kiểu quan hệ này là cấu trúc của thành ngữ luôn luôn tạo thành 2 vế, cân đối nhau về số lượng âm tiết, về từ loại và cả về ý nghĩa. Kiểu quan hệ này tồn tại chủ yếu ở các thành ngữ có 4 âm tiết và có 6 âm tiết. Ví dụ:

Thành ngữ có 4 âm tiết

Rêq maiq/ kuirq jeng
(Chọn mặt, gửi vàng)

Săi tiriaq/ tăt târloong
(No trâu, nhọc đặc)

Săq cha/ pinăh peeq
(Ma ăn, quỷ xơi)

Sâr kooh/ sear bôl
(Lên núi, xuống cồn)

Tubeêq ayoon/ khoon âr-ai
(Khôn thỏ, khôn hổ)

Thành ngữ có 6 âm tiết

Tubeêh kô ayău/ ngăuq kô ayê
(Khôn thì dụ, ngu thì phỉn).

Rool ichu/ pahun imanh
(Chuỗi ngọc giả, áo choàng mượn)

Săi nghêq jeam/ rêng nghêq tubêeq
(No hết ngon, giận hết khôn)

Pê nồh nă/ trêq nồh ntih
(Thua keo này, bày keo kia)

Nếu đi sâu xem xét mối quan hệ lô gích giữa hai vế trong các thành ngữ này, ta thấy tồn tại các loại quan hệ lô gích sau đây:

Lô gích song hành:

Sâr kooh/ sear bôl
(Lên núi, xuống cồn)

Koonh pântui/ kăn kâmmai
(Trai côi, gái cút)

Săq cha/ pinăh peeq
(Ma ăn, quỷ xơi)

Ka-hóh ngôh prăq/ kulăq ngôh jeng
(Hò ra bạc, khạc ra vàng)

Lô gích nhân quả:

Prúh bo/ pachô priêu
(Gieo mưa, gặt lụt)

Hóng kang kinhanh kinhhung/ jung ati tatăq
(Tay làm, hàm nhai)

Thét mooi tângkaq/ paq târpoóch kulăm
(Sai một bước, trượt sây cả trăm)

Lô gích tiếp diễn:

Pê nồh nă/ trêq nồh ntih
(Thua keo này, bày keo kia)

Bôn pêl mmo/ kavo kava pêl ngkôh
(Được bữa nào, xào bữa ấy)

Lô gích tương phản:

Acho takông/ ameq kabâm
(Chó tha, mèo lúm)

Cha kô nhaq/ tăq kô liăq
(Ăn thì nhanh, làm thì chậm)

Maiq tikuô/ lom mbăr
(Mặt người, dạ thú)

2.2.2. *Quan hệ chính phụ*

Đứng sau các thành ngữ có quan hệ đẳng lập là các thành ngữ có quan hệ chính phụ (chiếm 16%). Nếu các thành ngữ có quan hệ đẳng lập luôn luôn tạo thành hai vế, cân đối về số lượng âm tiết, về từ loại và cả về ý nghĩa thì trong các thành ngữ có quan hệ chính phụ, một thành tố giữ vai trò chính về chức năng ngữ pháp - ngữ nghĩa, các thành tố còn lại có vai trò bổ sung cho thành tố chính. Ví dụ:

Inh cha imoot tu abóh
(Muốn ăn vào bếp)

Inh cha imoot là thành tố chính, *tu abóh* là thành tố bổ sung.

Kil kállong pahoor, koor kállong dooi
(Đôi hạt mồ hôi lấy hạt cơm)

Kil kállong pahoor là thành tố chính, *koor kállong dooi* là thành tố bổ sung.

Mnóh kiu tariu târrăp
(Cùng bệnh diu đỡ nhau)

Mnóh kiu là thành tố chính, *tariu târrăp* là thành tố bổ sung.

Tiriaq joat ali kârróq loat pran
(Trâu què cũng bằng bò khỏe)

Tiriaq joat là thành tố chính, *ali kârróq loat pran* là thành tố bổ sung.

A- ooiq cheet ngkoo kang tikăr
(Gà chết vì tiếng gáy)

A-ooiq cheet là thành tố chính, *ngkoo kang tikăr* là thành tố bổ sung.

Sự tồn tại kiểu quan hệ chính phụ trong thành ngữ cũng là điều dễ hiểu. Bởi lẽ thành ngữ thường biểu thị một hình ảnh, một hiện tượng, một hành động, một trạng thái, một tính cách, một thái độ, ... nào đó; nên bên cạnh một thành tố có vai trò mang thông tin chính thì các thành tố còn lại thường nhằm thuyết minh cho thông tin chính về so sánh độ hơn kém như thành ngữ *Tiriaq joat ali kârróq loat pran*, về nguyên nhân của sự việc như thành ngữ *A-ooiq cheet ngkoo kang tikăr*, về mục đích của hành động như thành ngữ *Kil kállong pahoor, koor kállong dooi, ...*

2.2.3. Quan hệ chủ - vị

Bên cạnh đa số các thành ngữ biểu thị khái niệm, còn có một số biểu thị phán đoán. Vì vậy, trong cấu trúc của một số thành ngữ còn tồn tại quan hệ chủ - vị (chiếm 12%). Ngay cả những thành ngữ có cấu trúc là quan hệ chủ - vị nhưng nội dung vẫn biểu thị khái niệm. Chẳng hạn, thành ngữ *Ech ngòi đáy giếng* (tiếng Việt) có hình thức là một kết cấu C - V nhưng nội dung biểu thị khái niệm về “tâm nhìn thiên cận”.

Một số ví dụ trong tiếng Pa Cô:

Pireng cha bo

(Cầu vòng (móng) ăn mưa)

Avang pireau trao jong klêk

(Én chào mào réo sáo phượng)

Avoóh rbang vi mắt

(Ông trời có mắt)

Daq mắt hai tatoóq

(nước mắt chảy xuôi)

Kang pârнай sieang tapâr

(Lời nói gió bay)

Khêl kacheet o

(Cái nết đánh chết cái đẹp)

Như đã đề cập ở 1.1, mặc dù các thành ngữ này có cấu trúc là cụm chủ - vị, nhưng đây là những cụm từ cố định, vì vậy nó được sử dụng trong lời nói như một từ, đảm nhận chức vụ cú pháp ở trong câu, làm thành phần câu.

2.3. Đặc điểm vần trong thành ngữ

Một trong những đặc điểm của ngôn ngữ đơn lập là hiện tượng lặp vần khá phổ biến trong cấu tạo từ (láy vần) cũng như trong lời nói; lặp vần trong từ đa tiết (từ láy), lặp vần trong cụm từ, lặp vần trong câu,...Mặc dù đặc điểm cấu tạo vần trong tiếng Việt không hoàn toàn giống tiếng Pa Cô vì tiếng Việt có thanh điệu, tiếng Pa Cô không có thanh điệu, nhưng vần trong các ngôn ngữ đơn lập có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Vần không chỉ có chức năng cấu tạo âm tiết, cấu tạo từ, tạo nhạc điệu, mà còn có giá trị về mặt ý nghĩa (có khả năng biểu thị ý nghĩa).

Theo khảo sát của chúng tôi, trong số 180 đơn vị thành ngữ tiếng Pa Cô thì có đến 64 đơn vị có vần điệu (chiếm 35%). Một số ví dụ:

Nghiêl târlang, kêrhang mắt

(Nhẹ vai, gai mắt)

Achiêng Lao, kabao Yoan

(Voi Lào, bào Kinh)

Cha tômmmo, krong tômmngkôh

(Ăn cây nào, rào cây ấy)

Prúh pahoor, ploor daq mắt

(Đổ mồ hôi, sôi nước mắt)

Pê nốh mếq, tréq nốh nưh

(Thua keo này, bày keo kia)

Ka-hóh ngôh prăq, kulăq ngôh jeng

(Ho ra bạc, khạc ra vàng)

Abung rănq abăng hon

(Tre khô, măng mọc)

A-úh iveng leng ităh

(Mục thì lẩn, rỗng thì lụi)

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, các thành ngữ có sử dụng điệp vần phần lớn là các đơn vị thành ngữ cân đối, có số lượng âm tiết chẵn, tạo thành hai vế và tồn tại mối quan hệ đẳng lập.

3. Kết luận

Việc khảo sát đặc điểm cấu tạo của hệ thống thành ngữ trong tiếng Pa Cô cho thấy, ba bình diện khảo sát (số lượng âm tiết, các quan hệ ngữ pháp và cấu tạo vần) đều có liên quan chặt chẽ với nhau.

Về số lượng âm tiết, các thành ngữ có số lượng âm tiết chẵn chiếm tỉ lệ cao hơn so với các thành ngữ có số lượng âm tiết lẻ.

Về quan hệ cú pháp, trong ba kiểu quan hệ cú pháp tồn tại giữa các thành tố trong cấu trúc của thành ngữ tiếng Pa Cô, kiểu quan hệ đẳng lập chiếm tỉ lệ cao nhất. Kiểu quan hệ này tồn tại chủ yếu ở các thành ngữ có số lượng âm tiết chẵn. Đúng sau các thành ngữ có quan hệ đẳng lập là các thành ngữ có quan hệ chính phụ và cuối cùng là các thành ngữ có quan hệ chính phụ.

Về cấu tạo lặp vần, các thành ngữ có hiện tượng lặp vần phần lớn là các đơn vị thành ngữ cân đối, có số lượng âm tiết chẵn, tạo thành hai vế và tồn tại mối quan hệ đẳng lập.

Những đặc điểm trên chứng minh một cách sinh động rằng tiếng Pa Cô là một ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính; có những nét tương đồng và khác biệt so với tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính điển hình. Những đặc điểm ấy cũng là tiền đề và cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng Pa Cô nói chung, giảng dạy tiếng Pa Cô ở trường phổ thông nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Điệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (2007), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Hoàng Văn Hành (2007), *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Sửu (2008), *Cấu tạo từ tiếng Tà Ôi (trong sự so sánh với tiếng Việt)*, Luận án tiến sĩ.

6. Viện Từ điển và Bách khoa thư Việt Nam (2016), *Biên soạn Từ điển Việt – Pa Cô – Ta Ôi; Pa Cô – Ta Ôi - Việt*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh.
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2003), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

STRADTURAL CHARACTERISTICS OF IDIOMS USED IN THE PACO LANGUAGE IN A LUOI DISGTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Hoang Tat Thang

Hue University of Sciences

Abstract: *This article investigates the structural characteristics of the systems of idioms used in the Pa-Co language, through three aspects: On the use of syllables, there are more idioms containing an even number of syllables than those with an odd number. On syntax, there exist three types of syntactic relationships among the elements of Pa-Co idioms. Among these, the symmetrical relationship appears most often. This type of relationship is mainly found in idioms with an even number of syllables. Less commonly used are the asymmetrical relationship and the subject-complement relationship. On the rhythmic structure, idioms that utilize rhythmic repetition are predominantly constructed using the symmetrical relationship between two clauses, with an even number of syllables. These structural characteristics vivaciously prove that Pa-Co is a syllabic, isolating language.*

Key words: *characteristics, structure, idiom, syllable, isolating type.*